

**Phụ lục**  
**DANH MỤC CÁC NGÀNH HÀNG, SẢN PHẨM QUAN TRỌNG**  
**CẦN KHUYẾN KHÍCH VÀ ƯU TIÊN HỖ TRỢ THỰC HIỆN LIÊN KẾT**  
**GẮN SẢN XUẤT VỚI TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA**  
**BÀN TỈNH ĐẮK LẮK**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /01/2026  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

STT	Tên ngành hàng	Sản phẩm
<b>I</b>	<b>Trồng trọt</b>	
1	Cây lương thực	- Lúa: Lúa giống; Lúa thương phẩm - Gạo - Ngô và các sản phẩm từ ngô
2	Cây công nghiệp ngắn ngày	- Mía đường và các sản phẩm từ mía đường - Sắn và các sản phẩm từ sắn
3	Cây ăn quả	- Sầu riêng - Bơ - Mít thái - Nhãn - Vải - Xoài - Cây có múi: (Cam, Quýt, Bưởi, Chanh...)
4	Cây công nghiệp dài ngày	- Cà phê - Cao su - Hồ tiêu - Ca cao - Điều - Mắc ca - Dừa và các sản phẩm từ dừa
5	Cây thực phẩm, hoa	- Các loại rau, củ, quả, nấm sản xuất theo tiêu chuẩn GlobalGAP, VietGAP, ứng dụng công nghệ cao. - Đậu các loại. - Các loại hoa.

STT	Tên ngành hàng	Sản phẩm
6	Cây làm thức ăn chăn nuôi	- Ngô - Cỏ - Cây Cao lương
II	Cây lâm nghiệp	- Gỗ rừng trồng và sản phẩm từ gỗ và bộ phận, dẫn xuất từ cây lâm nghiệp - Tre không lồ
III	Nhóm cây dược liệu, cây thuốc	Theo danh sách quy định của Bộ Y tế và UBND tỉnh
IV	Chăn nuôi	
1	Gia súc	- Lợn: Lợn giống, lợn thịt và thịt lợn thương phẩm - Bò: Bò thịt, Bò sữa - Trâu - Dê thương phẩm
2	Gia cầm	Gà, Vịt, Chim cút: Trứng, thịt và con giống
3	Ong mật	Mật ong
V	Thủy sản	
1	Cá nước lạnh	Cá tầm
2	Cá thịt, cá giống	- Cá lăng - Cá lóc - Cá chạch bùn - Cá thát lát - Cá chình - Cá diêu hồng - Cá rô phi đơn tính - Cá ngừ - Cá chim - Cá mú - Cá bớp - Cá chẽm - Cá hồng Mỹ - Cá bè
3	Tôm	- Tôm hùm - Tôm thẻ

STT	Tên ngành hàng	Sản phẩm
		- Tôm sú
4	Rong	Rong câu, rong nho, rong sụn.
5	Các đối tượng khác	Ốc hương, hào, vẹm, sò huyết, cua xanh
VI	<b>Các loại cây trồng, vật nuôi, thủy sản phục vụ nguyên liệu cho các sản phẩm từ các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.</b>	